

Bản án số: 32/2019/HS-ST

Ngày 04 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Đôn

Ông Hồ Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/HSST-QĐ ngày 08/5/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức C** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1984, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy L - Sinh năm 1955 và bà Võ Thị Quỳnh H - Sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Lò Thị V - Sinh năm: 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Năm 2009, C bị xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 449/QĐ ngày 27/4/2010; Năm 2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về trộm cắp tài sản (theo bản án sơ thẩm số: 57/2013/HSST, ngày 11/6/2013), đến tháng 10/2013, bị cáo C chấp hành xong toàn bộ bản án, bị cáo không có án tích nhưng là người có nhân thân xấu.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/01/2019, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Anh Phạm Văn L - Sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đinh Văn M - Sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

- Chị Lò Thị C - Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn S - Sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Duy L - Sinh năm: 1955; Nơi cư trú: Phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 11/01/2019, Nguyễn Đức C đội mũ bảo hiểm đi bộ một mình đến khu vực sân vận động tỉnh Điện Biên, trên đường đi C nhặt được một thanh sắt ở ven đường và cầm theo. Đi đến ngõ 119, tổ 21, phường Mường Thanh, C thấy chiếc xe mô tô Honda Super Dream, BKS 27V1- 023.99 của anh Phạm Văn L dựng ở lòng đường sát dây trợ, không có người trông coi, C đã lén lút dắt trộm chiếc xe máy đi, đi được khoảng 200m về phía sân vận động thì dừng lại, bị cáo dùng thanh sắt chọc vỡ vỏ nhựa ở góc phía dưới bên phải của đèn pha, giật rắc điện nối với ổ khóa rồi nổ máy đi xe về nhà, ở xã T, huyện Đ lấy kìm, tuốc nơ vít và ba lô màu ghi của bị cáo mang theo, trên đường đi C vứt bỏ thanh sắt rồi đi đến ngôi nhà hoang ở đội 8C, Bản Pe, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên để ngủ. Chiều ngày 12/01/2019, tại ngôi nhà hoang, C dùng kìm, tuốc nơ vít tháo yếm xe và tháo biển kiểm soát xe mục đích để tránh sự phát hiện (yếm xe bị cáo vứt ở góc sân sát tường của ngôi nhà hoang; biển kiểm soát xe, sáng ngày 13/01/2019 bị cáo cho vào chiếc ba lô bằng vải, màu xanh - tím - đen (rằn ri), chiếc ba lô bị cáo mượn của anh Nguyễn Văn S). Tối ngày 12/01/2019, khi C đang ngủ thì có vợ chồng anh Đinh Văn M và chị Lò Thị C đến ở cùng. Khoảng 07 giờ ngày 13/01/2019 do không có phương tiện đi lại nên M hỏi mượn xe bị cáo, bị cáo đồng ý, đến khoảng 11 giờ cùng ngày anh M chở vợ đi đến khu vực bản Loọng Tóng, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên thì bị cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ phát hiện lập biên bản, tạm giữ xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/QĐ, ngày 13/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, số khung 171253, số máy 1471289, BKS: 27V1- 023.99, xe đã qua sử dụng có tổng giá trị là 8.800.000 đồng

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT- VKSTPĐBP ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, số khung 171253, số máy 1471289, BKS: 27V1- 023.99; anh Lượng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tuốc nơ vít có cán nhựa màu đen (loại 2 đầu) dài 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm kim loại có tay nắm bằng nhựa màu đỏ - đen có dập chữ MEINFA, đã qua sử dụng, do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình điều tra những người tham gia tố tụng trên đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 00 giờ, ngày 11/01/2019 tại khu vực tổ dân phố 21, phường Mường Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Đức C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, số khung 171253, số máy 1471289, BKS: 27V1-023.99 của anh Phạm Văn L, có tổng giá trị là 8.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố và kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù 12 đến 18 tháng tù là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[4]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì muốn có xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi lại mà đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người nghiện ma túy. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Năm 2009 bị cáo bị xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 449/QĐ ngày 27/4/2010; Năm 2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về trộm cắp tài sản (theo bản án sơ thẩm số: 57/2013/HSST, ngày 11/6/2013), đến tháng 10/2013, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (ngày 11/01/2019) bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo bị coi là người có nhân thân xấu; Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Duy L là bệnh binh, ông Lương được nhà nước tặng thưởng huy chương C sỹ vẻ vang hạng nhì và hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy L, anh Nguyễn Văn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[8] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) tuốc nơ vít có cán nhựa màu đen (loại 2 đầu) dài 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm kim loại có tay nắm bằng nhựa màu đỏ - đen có dập chữ MEINFA, đã qua sử dụng do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/3/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).*

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, số khung 171253, số máy 1471289 không gắn biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm, không có dây công tơ mét, xe đã cũ đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát xe máy số 27V1- 023.99, đã qua sử dụng; 01 yếm xe máy màu trắng có dán nhãn Super Dream, yếm đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 002482 mang tên Vi Thái Phương, đăng ký xe mô tô Honda Super Dream BKS: 27V1- 023.99 là tài sản của bị hại Phạm Văn L (vì anh Lượng và chị Vi Thái phương khi ly hôn đã thỏa thuận chia chiếc xe máy trên cho anh Lượng), cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn L là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. *(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/01/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ và anh Phạm Văn L (BL 41)).*

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm loại nửa đầu (không có bảo vệ cằm), màu đen, trên mũ có dòng chữ “đi rồi sẽ đến”, đã cũ đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Duy L cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu là Ông Nguyễn Duy L là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. *(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/01/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ và ông Nguyễn Duy L (BL 42)).*

Đối với 01 (một) ba lô bằng vải màu xanh - tím - đen (rằn ri), đã cũ đã qua sử dụng là tài sản của anh Nguyễn Văn S cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho

chủ sở hữu là Nguyễn Văn S là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. *(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/01/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ và anh Nguyễn Văn S (BL 43)).*

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **12 (M hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/01/2019).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) tuốc nơ vít có cán nhựa màu đen (loại 2 đầu) dài 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm kim loại có tay nắm bằng nhựa màu đỏ - đen có dập chữ MEINFA, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/3/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

- Chấp nhận việc trả lại tài sản cho anh Phạm Văn L, anh Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Duy L của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

